

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 03- 02- 2021

V/v tranh chấp nợ hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hồng Tư

- Ông Phạm Văn Sáu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Dương Hồng Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 212/2020/TLST - DS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “nợ hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: Bà B, sinh năm 1986 và ông C, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B, ông C là bà D, sinh năm 1960, địa chỉ ấp H, xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2021 (có mặt).

- Đồng bị đơn: Bà E, sinh năm 1958 và ông G, sinh năm 1956 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 7 năm 2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án đồng nguyên đơn bà B và ông C trình bày:

Vào năm 2016 vợ chồng ông C và bà B có tham gia chơi hui do ông G và bà E làm chủ. Dây hui 500.000 đồng/tháng, mở ngày 25/02/2016 âm lịch, có 44 phần, vợ chồng ông C và bà B tham gia 03 phần, đã hốt 01 phần, còn hai phần chưa hốt, vợ chồng ông C và bà B đã đóng hui được 36 kỳ. Dây hui này bà E và ông G đình hui ngày

25/01/2019. Sau khi đình hui, ông G và bà E có tổ chức bốc thăm, vợ chồng ông C, bà B có bốc được thăm nhưng bà E và ông G không giao hui. Nay vợ chồng ông C và bà B yêu cầu vợ chồng ông G và bà E thanh toán số tiền hui là 36.500.000 đồng.

Đến ngày 16 tháng 12 năm 2020, bà B, ông C có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông G và bà E. Cụ thể, ông C, bà B rút phần yêu cầu hui chết với số tiền 20.500.000 đồng, chỉ yêu cầu số tiền hui thực đóng cho hai phần hui chưa hốt với số tiền 16.000.000 đồng, đồng thời ông C, bà B yêu cầu tính lãi đối với số tiền 16.000.000 đồng từ ngày đình hui là ngày 25/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm.

Đồng bị đơn ông G và bà E thống nhất với lời trình bày của ông C và bà B về số phần hui mà vợ chồng bà B tham gia chơi do vợ chồng ông G và bà E làm chủ. Ông C và bà B tham gia 3 phần hui của dây hui 500.000 đồng/tháng mở ngày 25/02/2016 âm lịch, đã hốt 01 phần, còn lại 02 phần bà B và ông C đóng được 36 kỳ với số tiền 8.000.000 đồng/phần x 02 phần = 16.000.000 đồng; Đến ngày 25/01/2019, vợ chồng ông bà đình hui, có tổ chức bốc thăm và vợ chồng ông bà đã giao cho vợ chồng bà B ông C số tiền 11.000.000 đồng, việc giao tiền không làm biên nhận. Nay vợ chồng ông bà chỉ đồng ý thanh toán cho bà B ông C số tiền 5.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà E, ông G không đồng ý thanh toán tiền hui cho bà B, ông C với lý do, bà E, ông G cho rằng vợ chồng bà B, ông C chỉ tham gia 01 phần hui 500.000 đồng/tháng, mở ngày 25/02/2016 âm lịch; hai phần hui còn lại tên người chơi hui là G1, G2 và người đóng hui sống là mẹ bà B là bà D. Vợ chồng bà nghe bà G3 nói G1, G2 là con bà B, ông C chứ bà không biết mặt G1, G2. Do vậy, nay bà E, ông G chỉ đồng ý trả tiền hui cho G1, G2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đồng nguyên đơn, đồng bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, ông C đối với ông A, bà E; buộc ông A, bà E thanh toán cho ông C, bà B số tiền hui 16.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà B, ông C đối với bà E và ông G về số tiền hui 20.500.000 đồng do vợ chồng bà B và ông C rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Bà E và ông G phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà E, ông G có đơn xin miễn án phí do người cao tuổi nên ông G và bà E được miễn toàn bộ án phí. Bà B, ông C không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 29 tháng 7 năm 2020, bà B và ông C nộp đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp nợ hui với bà E và ông G, khi khởi kiện, bà E và

ông G cư trú tại ấp K xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà B và ông C với bà E và ông G về việc đòi số tiền hụi 36.500.000 đồng, cụ thể: Dây hụi 500.000 đồng/tháng, mở ngày 25/02/2016 âm lịch, hụi có 44 phần, vợ chồng bà B, ông C tham gia 03 phần, hốt 01 phần, còn 02 phần, đóng được 36 kỳ hụi sống. Theo như bà E và ông A xác định, 36 kỳ hụi sống này ông C và bà B đóng được số tiền hụi 16.000.000 đồng. Bà B và ông C thống nhất theo lời trình bà của ông G và bà E là vợ chồng bà B, ông C đóng được số tiền hụi 16.000.000 đồng. Nay vợ chồng bà B, ông C yêu cầu ông G, bà E thanh toán số tiền 16.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật 10%/năm từ ngày 25/01/2019 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm.

[3]. Quá trình làm việc tại Tòa án, bà E và ông G đều thống nhất thừa nhận hai phần hụi sống tên gọi G1, G2 của dây hụi 500.000 đồng/tháng là của vợ chồng bà B, ông C. Vợ chồng bà B, ông C đóng được 36 kỳ với số tiền 16.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà E, ông A xác định vợ chồng bà không biết G1, G2 là ai và mỗi kỳ khui hụi, bà B, ông C không đóng hụi mà do mẹ bà B là bà G3 đóng hụi sống. Nay vợ chồng bà E chỉ đồng ý trả số tiền hụi 16.000.000 đồng cho G1, G2, không đồng ý trả cho bà B, ông C.

[3.1]. Theo ông C, bà B xác định, khi chơi hụi, có nói với vợ chồng bà E, ông A ghi tên G1, G2 nhưng thực tế hai phần hụi ghi tên G1, G2 là của bà B, ông C. Vì nếu ghi tên một mình bà B mà tham gia ba phần hụi thì các hụi viên khác đề hụi không cao, không có lời nhiều và các bên thống nhất ghi tên G1, Hồng G2.

[3.2]. Căn cứ vào lời khai của Phan G1, sinh năm 2004 và Phan Hồng G2, sinh năm 2006 đều thống nhất xác định, G1, G2 là con ruột ông C, bà B. Việc cha mẹ ghi tên G1, G2 khi chơi hụi thì G1 và G2 đều không biết. Cả hai đều chưa tạo ra thu nhập, còn sống phụ thuộc cha mẹ; điều này phù hợp lời khai của ông G4, trưởng ấp H, xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

[3.3]. Về phía bà D là người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà B xác định, bà là mẹ ruột bà B. Bà biết ba phần hụi mà vợ chồng bà B tham gia chơi chỗ bà E, ông A là của vợ chồng bà B, trong đó có một phần bà B đã hốt, còn hai phần còn lại tên G1, G2 thì bà B chưa hốt. Do bà B bận đi làm công ty nên mỗi lần khui hụi thì bà B có nhờ bà đi khui hụi dùm và bà B gửi tiền nhờ bà đóng hụi dùm cho bà B.

[3.4]. Về phía bà E, ông A xác định vợ chồng bà có nghe bà Ánh nói, G1, G2 là con của bà B, hai phần hụi này của bà B, ông C. Mỗi kỳ khui hụi và đóng hụi thì bà G3 là người đi khui và đóng tiền hụi. Đến ngày 25/01/2019, vợ chồng bà E, ông G đình hụi nên có tổ chức bốc thăm và vợ chồng ông bà đã giao số tiền hụi 11.000.000 đồng cho bà B.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bà E, ông G rất mâu thuẫn. Vì nếu ông bà xác định hai phần hui mà ông C bà B kiện vợ chồng bà không phải của vợ chồng bà B, ông C thì lý do vì bà E, ông A lại giao số tiền 11.000.000 đồng cho ông C, bà B khi vợ chồng bà E, ông A đình hui. Bản thân vợ chồng bà làm chủ hui và chính bà E, ông A ghi tên những người chơi hui có tên G1, G2 và phần hui này đóng đến kỳ 36 nhưng lại không biết G1, G2 là ai là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định G1, G2 là con của bà B, ông C. Tính đến tháng 01 năm 2019 (ngày đình hui), G1 chỉ mới 15 tuổi, G2 chỉ mới 13 tuổi, cả hai đều chưa thành niên, còn đi học, sống phụ thuộc cha mẹ, chưa tạo ra thu nhập nên không thể có tiền để mà chơi hui. Từ đó, có cơ sở xác định, giữa vợ chồng bà B, ông C có tham gia chơi hai phần hui (G1, G2) do bà E, ông G làm chủ, phần hui 500.000 đồng/tháng, mở ngày 25/02/2016 âm lịch, đóng được 36 kỳ với số tiền 16.000.000 đồng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, ông C đối với ông A và bà E về số tiền hui 16.000.000 đồng.

[5]. Đối với yêu cầu tính lãi: Ông C, bà B yêu cầu Tòa án tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền hui thực đóng là 16.000.000 đồng từ ngày đình hui là ngày 25/01/2019 âm lịch đến ngày xét xử là có căn cứ, được tính như sau: 16.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 22 tháng 27 ngày = 3.041.120 đồng. Như vậy, ông A và bà E có trách nhiệm thanh toán cho ông C bà B số tiền hui 19.041.120 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2020, vợ chồng ông C, bà B yêu cầu vợ chồng ông A và bà E thanh toán tổng số tiền hui 36.500.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó, ông C, bà B có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với vợ chồng ông A và bà E về số tiền hui là 20.500.000 đồng, chỉ yêu cầu tiền hui thực đóng 16.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật 10%/năm kể từ ngày đình hui ngày 25/01/2019 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy việc vợ chồng ông C và bà B rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông A và bà E là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà B, ông C đối với ông A và bà E về số tiền hui 20.500.000 đồng

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà E, ông A phải chịu số tiền án phí đối với yêu cầu của ông C, bà B được chấp nhận là 19.041.120 đồng với số tiền án phí 952.056 đồng. Tuy nhiên, bà E, ông G có đơn xin miễn án phí do người cao tuổi; Căn cứ quy định pháp luật, ông G và bà E được miễn toàn bộ án phí.

Bà B và ông C không phải chịu án phí. Bà B và ông C đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí số tiền 912.500 đồng theo biên lai số 008355 ngày 30/10/2020, được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

[6]. Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, ông C đối với ông G và bà E về tranh chấp nợ hui.

Buộc ông G và bà E có nghĩa vụ thanh toán cho bà B, ông C số tiền hui 19.041.120 đồng, trong đó tiền hui gốc là 16.000.000 đồng, tiền lãi 3.041.120 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà B, ông C đối với ông G và bà E về số tiền hui 20.500.000 đồng do ông C và bà B có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, miễn toàn bộ án phí cho bà E, ông G.

Bà B và ông C không phải chịu án phí. Bà B và ông C đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí số tiền 912.500 đồng theo biên lai số 008355 ngày 30/10/2020, được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi

